TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2020/DS-PT
Ngày: 15-01-2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu

Bà Trần Thị Kim Em.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2019/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 374/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị Thu H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp Đ, xã ĐH, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền được chứng thực số 82 ngày 28/01/2019) (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Chị **Đặng Thị Lệ C**, sinh năm 1971; (xin vắng mặt)

2. Anh **Đào Công K**, sinh năm 1969; (xin vắng mặt)

Chị C, anh K cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đặng Thị Lệ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị Thu H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Năm 2011, chị H có tham gia chơi hụi do vợ chồng chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K làm chủ hụi như sau:

- Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khui ngày 10/02/2011 âm lịch, gồm 29 phần, chị H tham gia 01 phần, đã đóng được 28 phần, đến khi mãn hụi thì chị C và anh K kết toán nợ hụi với chị H, chị C và anh K còn nợ chị H 14.000.000 đồng tiền hụi, trừ 500.000 đồng tiền hoa hồng nên còn nợ lại 13.500.000 đồng. Sau đó, chị C và anh K tuyên bố vỡ hụi và không giao tiền hụi cho chị H. Chị H có đến nhà anh K, chị C đòi nhiều lần nhưng chị C, anh K chỉ trả được 2.500.000 đồng, còn nợ lại 11.000.000 đồng. Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị C và anh K có nghĩa vụ trả cho chị H 11.000.000 đồng tiền nợ hụi, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Đặng Thị Lệ C trình bày:

Trước đây, chị có làm chủ hụi và chị Phan Thị Thu H là hụi viên có tham gia chơi hụi, do thời gian đã lâu nên về phần dây hụi và phần hụi chị H tham gia bao nhiêu chị không nhớ rõ vì sổ hụi chị không còn nữa.

Năm 2013 do hụi bị vỡ, chị có nợ chị H số tiền nợ hụi 11.000.000 đồng, nhưng sau đó mỗi khi làm có tiền và mỗi đợt bán heo chị có trả cho chị H, đến nay chị đã trả hết số tiền 11.000.000 đồng cho chị H xong.

Đối với anh Đào Công K là chồng chị, lúc đầu anh K không biết chị làm chủ hụi, sau đó anh K có biết, tiền hoa hồng từ việc góp hụi chị dùng vào việc mua thức ăn chăn nuôi heo và trang trải kinh tế gia đình.

- Bị đơn anh Đào Công K trình bày:

Trước đây vào năm 2011 khi phát hiện vợ anh là chị C có tham gia các dây hụi có lãi cùng với chị em trong xóm, ấp thì anh có cấm không cho chị C chơi hụi. Từ năm 2001 đến nay chị chi lén chơi hụi với ai anh không biết, do đó anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở tòa án các cấp.

- Bản án sơ thẩm số: 245/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu H.

Buộc chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K liên đới trả cho chị Phan Thị Thu H số tiền nợ hụi 11.000.000 đồng.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 29/8/2019, bị đơn chị Đặng Thị Lệ C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 245/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang với lý do sau khi bể hụi chị đã trả hết nợ gốc cho chị H và vì hợp đồng góp hụi giữa chị với chị H đã hết thời hiệu nên yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Đặng Thị Lệ C vắng mặt nhưng có đơn trình bày, chị đã trả 11.000.000 đồng nợ hụi cho chị H và nay không còn thời hiệu như như đơn kháng cáo chị đã trình bày. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của chị H đòi chị và anh K trả 11.000.000 đồng như án sơ thẩm đã xử.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Thu H không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng với luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử buộc chị C và anh K trả cho chị H 11.000.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Đặng Thị Lệ C đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về tư cách người tham gia tố tụng, nguyên đơn Phan Thị Thu H ủy quyền cho Nguyễn Thị Huỳnh N làm đại diện tại phiên tòa phúc thẩm là đúng với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 135, 138 của Bộ luật dân sự. Đối với bị đơn Đào Công K và chị Đặng Thị Lệ C đều có đơn xin vắng mặt tại tòa án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K, chị C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng với tính chất của vụ án mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết được quy định tại các Điều 11, 280, 351, 357, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn chị H có chị N là đại diện theo ủy quyền cho rằng vào năm 2011 chị H có tham gia dây hụi do chị C và anh K làm chủ hụi. Năm 2013, anh K và chị C tuyên bố vỡ hụi thì hai bên có thống nhất số tiền hụi mà chị C và anh K còn nợ là 11.000.000 đồng. Chị C có hứa trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay chị H yêu cầu chị C và anh K liên đới trả cho chị H 11.000.000 đồng.

Chị C thừa nhận năm 2013, sau khi vỡ hụi, chị còn nợ chị H 11.000.000 đồng như chị H trình bày nhưng sau đó chị đã trả xong, không còn nợ.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H buộc chị C và anh K có nghĩa vụ trả cho chị H 11.000.000 đồng. Sau khi xử chị Chi kháng cáo.

[4] Xét nội dung đơn kháng cáo và lời trình bày của chị Chi tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy: Chị C thừa nhận vào năm 2011, chị có làm chủ hụi có chị H tham gia làm hụi viên. Năm 2013 do nhiều hụi viên không đóng tiền hụi nên chị tuyên bố vỡ hụi và chị còn nợ lại chị H 11.000.000 đồng tiền hụi. Tuy nhiên, sau đó mỗi lần có tiền và bán heo, chị C đã trả cho chị H, đến nay chị không còn nợ chị H nữa. Lời trình bày của chị C không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận và chị C cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả xong nợ cho chị H.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Chị H trình bày khi tham gia chơi hụi, chị C là chủ hụi thì anh K là chồng chị C có biết. Quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm, anh K thừa nhận năm 2001 anh phát hiện chị C có làm chủ hụi và cấm chị C không tham gia nữa, sau đó chị C có tham gia chơi hụi nữa không anh không biết nên không đồng ý trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị C thừa nhận số tiền chơi hụi và tiền hoa hồng chị dùng vào việc trang trải sinh hoạt gia đình. Vì vậy, Tòa sơ thẩm xử buộc anh K cùng liên đới với chị C trả số nợ hụi cho chị H là có căn cứ đúng với Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình đã quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh K không kháng cáo nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về thời hiệu khởi kiện: Chị C cho rằng việc góp hụi giữa chị và chị H đã chấm dứt từ năm 2013, đến năm 2019 chị H mới khởi kiện là không còn thời hiệu khởi kiện. Xét lời trình bày của chị C là không có cơ sở, bởi lẽ trong quá trình giải quyết vụ án chị C thừa nhận có nợ chị H 11.000.000 đồng tiền nợ hụi nhưng đã trả xong, tuy nhiên chị không có gì chứng minh. Việc chị C đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện được tính lại theo Điều 157 Bộ luật dân sự. Mặt khác, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản nên theo khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu.

Căn cứ vào những phân tích trên xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, nên giữ y án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, các đương sự chịu án phí theo quy định.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Lệ C.

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 245/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11, Điều 154, 157, 280, 357, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu H.

Buộc chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K liên đới trả cho chị Phan Thị Thu H số tiền nợ hụi 11.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị C, anh K chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Phan Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị H 275.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015672 ngày 13/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K có nghĩa vụ chịu 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Đặng Thị Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002989 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hoàng Khải